

Số: 124 /TB-ĐHTDM-HĐTSĐH

Bình Dương, ngày 10 tháng 11 năm 2021

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ TUYỂN SINH HỆ THƯỜNG XUYÊN NĂM 2021

Căn cứ vào Thông báo số 47/TB-ĐHTDM ngày 13/5/2021, của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thông báo tuyển sinh hệ thường xuyên năm 2021 (liên thông, văn bằng 2, đại học vừa làm vừa học).

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một đã tiến hành xét tuyển và thông báo kết quả như sau:

1. Số lượng hồ sơ ĐKXT vào các ngành:

HỆ	NGÀNH	SỐ LƯỢNG ĐĂNG KÝ	GHI CHÚ
Đại học vừa làm vừa học	Luật	34	Mở lớp đào tạo
	Quản trị kinh doanh	26	Mở lớp đào tạo
	Ngôn ngữ Anh	13	
	Giáo dục Mầm non	10	
	Ngôn ngữ Trung Quốc	24	Mở lớp đào tạo
	Thiết kế đồ họa	6	
Trung cấp liên thông lên đại học	Kế toán	13	
	Kỹ thuật điện	16	
	Giáo dục Mầm non	8	
	Giáo dục Tiểu học	12	
	Tài chính ngân hàng	5	
	Hệ thống thông tin	5	
Cao đẳng liên thông lên đại học	Kế toán	13	
	Công nghệ thông tin	20	Mở lớp đào tạo
	Kỹ thuật điện	12	
	Kỹ thuật xây dựng	16	
	Công nghệ kỹ thuật ô tô	1	
	Giáo dục Mầm non	14	
	Giáo dục Tiểu học	26	Mở lớp đào tạo
	Ngôn ngữ Anh	18	
	Hóa học	12	
	Sư phạm Lịch Sử	3	
	Quản trị kinh doanh	22	Mở lớp đào tạo
	Sinh học ứng dụng	13	
	Toán học	14	
	Sư phạm Ngữ Văn	20	Mở lớp đào tạo
	Địa lý học	10	
	Vật lý học	3	
	Quản lý đất đai	5	
Đại học văn bằng 2	Ngôn ngữ Anh	66	Mở lớp đào tạo
	Kế toán	15	
	Luật	49	Mở lớp đào tạo
	Quản lý nhà nước	4	
	Ngôn ngữ Trung Quốc	36	Mở lớp đào tạo
	Quản trị kinh doanh	23	Mở lớp đào tạo
	Toán học	20	Mở lớp đào tạo
	Hệ thống thông tin	14	

(Kèm theo danh sách thí sinh trúng tuyển)

2. Thời gian hoàn thành thủ tục nhập học (xác nhận nhập học):

- Anh/Chị có tên ở danh sách trúng tuyển hoàn thành thủ tục nhập học từ ngày 20/11/2021 đến ngày 30/11/2021.

- Từ ngày 17/11/2021 Anh/Chị nhận Giấy thông báo trúng tuyển trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh, Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ghi chú: Chỉ mở lớp đào tạo khi có tối thiểu 20 sinh viên/ngành hoàn thành thủ tục nhập học.

3. Thủ tục nhập học bao gồm các bước sau:

CÁC BƯỚC	NỘI DUNG THỰC HIỆN
BƯỚC 1	NHẬN GIẤY THÔNG BÁO TRÚNG TUYỂN Từ ngày 17/11/2021 Anh/Chị nhận Giấy Thông báo trúng tuyển trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh, Trường Đại học Thủ Dầu Một
BƯỚC 2	NỘP HỌC PHÍ HỌC KỲ 1 VÀ LỆ PHÍ Học phí học kỳ 1 và lệ phí sẽ được thông báo cụ thể trong Giấy Thông báo trúng tuyển. Nộp bằng cách chuyển khoản. - Đơn vị thụ hưởng: Trường Đại học Thủ Dầu Một - Số tài khoản: 65010004240329 tại ngân hàng BIDV Chi nhánh Bình Dương - Nội dung nộp tiền: Mã số sinh viên + họ tên + HPLP HK1 2021 Lưu ý: + Nội dung nộp tiền ghi đúng Mã số Sinh viên của ngành mà thí sinh xác định nhập học (Ví dụ: 2121402020012 Nguyễn Văn A HPLP HK1 2021) + Thí sinh giữ chứng từ chuyển tiền hoặc chụp lại thông tin giao dịch thành công để làm căn cứ đối chiếu kiểm tra khi cần.
BƯỚC 3	XÁC NHẬN HOÀN THÀNH NHẬP HỌC Sau khi Trường Đại học Thủ Dầu Một nhận được học phí, lệ phí của Anh/Chị, Nhà trường sẽ gửi tin nhắn SMS vào số điện thoại của Anh/Chị đã đăng ký trên hồ sơ để thông báo và xác nhận “Đã hoàn thành thủ tục nhập học” .

4. Thời gian học chính thức theo thời khóa biểu:

- Bắt đầu từ ngày 25/12/2021 Anh/Chị đã hoàn thành thủ tục nhập học sẽ học chính thức theo thời khóa biểu (Thời khóa biểu sẽ thông báo vào email của Anh/Chị trước ngày 20/12/2021)

5. Đối với các ngành không đủ số lượng mở lớp:

Đối với các ngành không đủ số lượng thí sinh để mở lớp, Trường tiếp tục nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ của các Anh/Chị đã đăng ký sang đợt 1 năm 2022 (dự kiến mở lớp tháng 4 năm 2022).

Thông tin liên hệ:

Trung tâm Tuyển sinh, Trường Đại học Thủ Dầu Một

Số 6, Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Website: www.tuyensinh.tdmu.edu.vn

Email: trungtamtuynsinh@tdmu.edu.vn

Điện thoại: (0274) 3835677 – (0274) 3844340 – (0274) 3844341

Fanpage: facebook.com/tuyensinhTDMU - **Hotline:** 0911.022.322

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website Trường;
- Lưu: VT, HĐTS.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



TS. Nguyễn Quốc Cường

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ THƯỜNG XUYÊN NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số: 24 /TB-ĐHTDM-HĐTSDH ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2021)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên
01	Trương Quý An	Nam	24/04/1999	271188729	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010044
02	Mạnh Nguyên Đức An	Nam	26/11/1990	280962172	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010012
03	Nguyễn Hoài An	Nam	02/12/1989	321344720	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010001
04	Võ Thành An	Nam	26/02/1997	281309964	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010013
05	Ngô Tuấn Anh	Nam	01/03/1997	281097277	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010002
06	Phan Thị Lan Anh	Nữ	22/10/2000	026009449	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010022
07	Đoàn Thị Như Anh	Nữ	01/06/1986	281335948	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010007
08	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	29/02/1996	281100301	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040003
09	Khuru Thùy Duy Anh	Nam	24/07/1993	072093003664	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040026
10	Trần Thị Lan Anh	Nữ	30/11/1993	281058235	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010018
11	Phạm Thị Quế Anh	Nữ	24/11/1997	281134619	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010020
12	Hồ Nguyễn Phương Anh	Nữ	03/01/1995	281053925	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010058
13	Lê Thị Vân Anh	Nữ	16/01/1986	281045640	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010060
14	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	19/08/1978	281145093	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170020
15	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	19/02/2000	281235079	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010019
16	Bùi Thị Ánh	Nữ	05/07/1988	281395074	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040011
17	Lý Thị Ngọc Ánh	Nữ	18/12/1991	272051527	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010011

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên	
18	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	Nữ	04/12/1997	281190443	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010009
19	Đoàn Gia	Bảo	Nam	14/07/1999	079099010107	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010014
20	Võ Thanh	Bình	Nam	09/07/1982	280784509	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010020
21	Huỳnh Thị Mộng	Cầm	Nữ	16/03/1989	082189002102	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010041
22	Lê Trung	Cang	Nam	26/01/1980	280698719	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010007
23	Mã Nhục	Chánh	Nữ	12/08/1996	272526462	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040013
24	Lương Thị Phi	Châu	Nữ	07/05/1992	281068815	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040009
25	Nguyễn Ngọc	Châu	Nam	20/01/1996	264447274	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010017
26	Lê Thị	Chi	Nữ	13/06/1990	079190014402	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010046
27	Lư Bảo	Chi	Nữ	29/08/1995	079195003789	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010063
28	Đoàn Nguyễn	Chí	Nữ	10/03/1989	280931001	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010009
29	Lê Minh	Chiến	Nam	24/04/1996	07296004414	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010041
30	Đinh Thị Hồng	Chinh	Nữ	22/08/1991	280970076	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040036
31	Đồng Huy	Chương	Nam	16/05/2000	079200008707	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040014
32	Cao Xuân	Công	Nam	08/02/1996	074096001946	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010016
33	Dương Hồng	Cúc	Nữ	01/09/1985	280840922	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010018
34	Lê Duy Chí	Cường	Nam	17/07/1998	281174500	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010029
35	Phan Tuấn	Cường	Nam	05/08/1986	301216333	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040031
36	Trần Uy	Cường	Nam	13/05/1981	280763636	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010018
37	Võ Phát	Đại	Nam	28/03/1992	280980141	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010006
38	Nguyễn Thành	Đại	Nam	30/10/1995	281114156	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010021
39	Nguyễn Thị Thanh	Đạm	Nữ	14/05/2002	335005758	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010010
40	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	13/12/1996	163366902	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040011

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên
41	Trần Thị Đào	Nữ	12/12/1982	280776191	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010016
42	Đỗ Thành Đạt	Nam	09/09/2003	281399163	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010025
43	Nguyễn Phạm Tiến Đạt	Nam	27/06/1989	280949916	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010010
44	Dương Thị Diễm	Nữ	08/04/1997	352394470	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040022
45	Huỳnh Thị Hồng Diễm	Nữ	20/03/1996	07419600012	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010006
46	Đặng Thị Diễm	Nữ	10/04/1992	281348777	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010019
47	Phan Thanh Điền	Nam	02/11/1991	280967424	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010020
48	Trương Hoài Dũ	Nam	29/08/1991	280981518	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010009
49	Trịnh Xuân Đức	Nam	25/07/1970	280316361	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010012
50	Nguyễn Thị Phương Dung	Nữ	21/07/1984	280879349	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040014
51	Nguyễn Thị Kim Dung	Nữ	04/05/1989	280916617	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010007
52	Nguyễn Thị Phương Dung	Nữ	21/07/1984	280879349	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010022
53	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	17/04/1997	281134511	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010044
54	Cần Thị Kim Dung	Nữ	09/08/1987	281394961	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010057
55	Nguyễn Hoàng Lệ Dung	Nữ	18/06/1978	280705423	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170004
56	Lê Thị Thùy Dung	Nữ	08/08/1988	281347619	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170018
57	Huỳnh Tiến Dũng	Nam	02/10/2002	281271999	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010017
58	Lương Văn Dũng	Nam	23/10/1989	258208939	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010004
59	Ngô Y Dực	Nam	28/05/1995	281124315	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010035
60	Phùng Thái Dương	Nữ	03/12/1996	074096001965	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010021
61	Huỳnh Tấn Minh Duy	Nam	16/06/1999	261582788	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040002
62	Trần Đức Duy	Nam	28/03/1998	281139356	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010016
63	Nguyễn Hoàng Duy	Nam	25/11/1994	281047450	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010025

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên	
64	Lê Phạm Nhứt	Duy	Nam	18/07/1997	321880323	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010018
65	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	Nữ	15/03/1999	074199000626	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010006
66	Đỗ Thị	Duyên	Nữ	06/05/1999	066199001456	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010014
67	Vũ Thị	Duyên	Nữ	07/08/1991	151918118	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010034
68	Phan Ánh	Duyên	Nam	08/05/1969	280412584	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010006
69	Nguyễn Hồng	Duyên	Nữ	19/12/1992	280976686	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010012
70	Nguyễn Thị	Ga	Nữ	14/11/1977	023040766	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020008
71	Huỳnh Thị	Gấm	Nữ	12/11/1988	225330681	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010014
72	Thái Bá	Giang	Nam	01/11/1992	280979435	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010030
73	Lê Nam	Giang	Nữ	28/11/1974	280859926	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020020
74	Đặng Thị Thúy	Giang	Nữ	09/04/1988	183594952	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010004
75	Lê Thị Trúc	Hà	Nữ	25/03/1999	281205013	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010003
76	Đoàn Nhật Khánh	Hà	Nữ	11/08/1997	281197325	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010018
77	Huỳnh Thị Thu	Hà	Nữ	26/03/1994	285380183	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040012
78	Trần Thị	Hà	Nữ	12/08/1992	187199711	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040023
79	Phạm Ngọc Song	Hà	Nữ	21/09/1994	074194001740	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040027
80	Lê Thị Thu	Hà	Nữ	13/03/1982	280803672	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010010
81	Nguyễn thị Nhật	Hà	Nữ	05/11/1977	280691716	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010035
82	Lê Thị Ngọc	Hà	Nữ	25/12/1979	285758629	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170005
83	Nguyễn Văn	Hải	Nam	28/11/1969	070069000044	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010037
84	Nguyễn Văn	Hải	Nam	02/02/1998	241745996	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010066
85	Phan Thị Minh	Hân	Nữ	22/10/1982	280790617	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010026
86	Bùi Thúy	Hân	Nữ	04/12/1980	281183960	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020015

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên
87	Đoàn Ngọc Hân	Nam	21/01/1992	044092000983	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010015
88	Trịnh Thúy Hằng	Nữ	25/05/1992	230934208	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040007
89	Lý Mỹ Hằng	Nữ	14/11/1994	281059182	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010030
90	Trịnh Thị Hằng	Nữ	10/06/1981	281138775	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010002
91	Trần Thị Lệ Hằng	Nữ	03/06/1993	281047522	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170016
92	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	29/01/2000	281265776	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010021
93	Trần Thị Như Hào	Nữ	01/01/1995	281054299	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010062
94	Hoàng Thị Hiền	Nữ	20/11/1979	281190988	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170001
95	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	Nữ	18/02/1978	280696496	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170017
96	Phạm Thị Ngọc Hiệp	Nữ	28/08/1988	074188001997	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040003
97	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	14/09/1987	280868360	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010024
98	Trần Quốc Hiếu	Nam	28/05/1993	281034393	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010021
99	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	23/02/1993	281026373	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010019
100	Nguyễn Huỳnh Thanh Hòa	Nam	15/11/1992	281015763	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010030
101	Nguyễn Tiến Hòa	Nam	22/10/1980	281235862	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010021
102	Nguyễn Thị Kim Hòa	Nữ	10/07/1993	281009111	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040015
103	Nguyễn Đức Hòa	Nam	19/01/1995	281060328	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040002
104	Lê Khải Hoàn	Nam	29/03/1995	281069602	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040006
105	Vương Minh Hoàng	Nam	13/06/1984	280839023	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010001
106	Nguyễn Đình Tuấn Hoàng	Nam	24/04/1983	280337799	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010014
107	Trịnh Thúy Hồng	Nữ	21/06/1981	280743273	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020002
108	Huỳnh Thị Huệ	Nữ	13/07/1969	079169003037	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020011
109	Đỗ Thị Hồng Huệ	Nữ	12/02/1991	280947883	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010003

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên
110	Trần Ngọc Hùng	Nam	13/07/1983	280799182	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010008
111	Nguyễn Quốc Hùng	Nam	22/07/1980	280724011	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010008
112	Phạm Lê Quỳnh Hương	Nữ	27/07/2001	079301012319	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010011
113	Nguyễn Thị Hương	Nữ	26/02/1990	280930128	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020013
114	Nguyễn Thị Hương	Nữ	05/07/1989	281401828	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170002
115	Nguyễn Thị Lệ Huyền	Nữ	04/11/1980	079180002142	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010018
116	Đặng Thị Mỹ Huyền	Nữ	22/06/1995	271537621	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040033
117	Trần Thị Huyền	Nữ	10/06/1995	272537100	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010023
118	Nguyễn Thị Như Huyền	Nữ	22/12/1998	212678242	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010061
119	Đặng Thị Huyền	Nữ	14/09/1995	187386994	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020019
120	Vũ Lê Thanh Huyền	Nữ	21/11/1992	281153529	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010009
121	Nguyễn Thị Thanh Kha	Nữ	27/09/1989	280930348	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010008
122	Bùi Văn Khải	Nam	07/06/1996	281288936	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010008
123	Huỳnh Trung Khanh	Nam	14/08/1994	281056225	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010001
124	Đỗ Duy Khánh	Nam	23/12/1988	280897823	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010004
125	Vũ Minh Khánh	Nam	14/01/1995	034095003861	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010017
126	Ngô Duy Khoa	Nam	25/4/1996	281081001	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010034
127	Dương Minh Khương	Nam	06/11/1999	281220942	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010031
128	Nguyễn Trung Kiên	Nam	01/01/1978	072078003311	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010051
129	Phan Thị Thanh Kiều	Nữ	12/07/1981	060181000223	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040016
130	Vương Nhật Thanh Kiều	Nữ	17/12/1984	074184000280	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010036
131	Trần Xuân Kính	Nam	27/06/1992	221327437	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010002
132	H' Nãi Knul	Nữ	24/05/1994	241598469	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170014

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên
133	Nguyễn Thiện Lam	Nam	10/09/2002	281302642	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010004
134	Nguyễn Tùng Lâm	Nam	28/10/1995	201713694	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010025
135	Phan Hồng Lãm	Nam	23/01/1994	331791248	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010019
136	Trần Thị Lan	Nữ	11/11/1997	281205346	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040021
137	Ninh Thị Lê Lan	Nữ	11/09/1985	280832474	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010002
138	Phạm Thị Lành	Nữ	07/10/1997	192119487	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040013
139	Đỗ Mỹ Lệ	Nữ	11/10/1999	281191547	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040017
140	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Nữ	01/09/1996	281133070	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010001
141	Nguyễn Thị Lịch	Nữ	23/07/1985	281276195	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040025
142	Dương Thị Bích Liên	Nữ	01/07/1995	221405465	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010010
143	Lê Thị Kim Liên	Nữ	24/08/1985	074185000681	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020022
144	Nguyễn Thị Hồng Liên	Nữ	05/02/1995	0986182048	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170010
145	Lê Thị Khánh Linh	Nữ	10/01/1996	281192015	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010024
146	Bùi Văn Vũ Linh	Nam	01/01/1993	352269693	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040018
147	Nguyễn Thị Phương Linh	Nữ	15/05/1997	285596990	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040009
148	Phan Thị Hoàng Linh	Nữ	19/04/1982	281106827	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040020
149	Lợi Tú Linh	Nữ	13/06/1993	280996893	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040032
150	Nguyễn Huỳnh Phương Linh	Nữ	19/03/1994	074194001964	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010048
151	Nguyễn Ngọc Mỹ Linh	Nữ	25/07/1992	280985998	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010015
152	Nguyễn Phương Di Linh	Nữ	05/02/2000	056300011350	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010014
153	Trần Thị Túy Loan	Nữ	09/09/1977	0795090977	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020007
154	Nguyễn Thanh Lộc	Nam	07/12/1994	074094000243	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010023
155	Nguyễn Sỹ Lộc	Nam	17/11/1993	024900696	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040028

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên
156	Lưu Thị Lợi	Nữ	08/10/1996	174681728	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040021
157	Nguyễn Văn Long	Nam	25/07/1997	281141278	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010005
158	Huỳnh Phú Long	Nam	15/09/1976	070076000074	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010012
159	Tô Mộng Long	Nam	09/10/1990	321369742	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010003
160	Phạm Văn Luân	Nam	08/09/1992	285368433	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010007
161	Nguyễn Hữu Luân	Nam	19/08/1989	280883665	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010055
162	Phạm Thị Luân	Nữ	06/03/1991	281291504	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010007
163	Trần Đình Luật	Nam	22/01/1981	182427726	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010020
164	Đào Đức Lượng	Nam	29/09/1994	101276933	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010027
165	Trần Thị Diệu Ly	Nữ	22/12/1992	241352706	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010050
166	Trần Thị Mỹ Lyn	Nữ	09/11/1992	083192006699	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020023
167	Lê Thị Quỳnh Mai	Nữ	22/05/1980	281099736	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010008
168	Trần Thị Mai	Nữ	04/08/1993	281027661	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170003
169	Nguyễn Thanh Mân	Nam	17/08/1985	062058003584	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010042
170	Trần Minh Mẫn	Nam	19/09/1995	072095002653	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010023
171	Nguyễn Hoàng Mạnh	Nam	03/03/1993	281149176	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010033
172	Nguyễn Thị Mậu	Nữ	18/12/1978	281094063	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170008
173	Nguyễn Vĩnh Cao Minh	Nữ	02/10/1998	281198698	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010026
174	Bùi Quan Minh	Nam	16/05/1999	281245526	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010015
175	Trần Xuân Minh	Nam	07/03/1988	281222347	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010033
176	Lý Ngọc Minh	Nữ	28/10/1991	280953000	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010040
177	Bùi Nguyễn Nhật Minh	Nam	01/10/1992	074092000372	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010008
178	Lâm Thúy Mơ	Nữ	10/10/1989	381580208	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040034

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên
179	Trần Thị Mừng	Nữ	15/10/1989	285189466	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040005
180	Nguyễn Thị Diễm My	Nữ	26/04/1991	280943156	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170011
181	Vương Nguyễn Xuân Mỹ	Nữ	04/03/1992	281010740	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010019
182	Vũ Văn Nam	Nam	13/01/1997	281178673	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010029
183	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Nữ	15/03/1995	281085802	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010024
184	Nguyễn Thị Huỳnh Nga	Nữ	21/10/1998	285621983	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010028
185	Liễu Ngọc Kim Ngân	Nữ	24/11/1999	074199000400	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010022
186	Hồ Hồng Ngân	Nữ	24/01/2002	281335548	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010026
187	Phạm Thị Kim Ngân	Nữ	21/06/2001	070301001270	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040019
188	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	Nữ	09/10/1990	321376816	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040015
189	Lâm Thành Ngân	Nữ	21/04/1994	281031862	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010026
190	Nguyễn Lê Kim Ngân	Nữ	18/08/1997	074197000110	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010016
191	Tô Thị Kim Ngân	Nữ	10/06/1993	281031232	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010013
192	Đinh Thị Thúy Ngân	Nữ	14/03/1997	215464915	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010008
193	Trần Kim Ngân	Nữ	31/07/1994	281042761	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010009
194	Dương Thị Thu Ngân	Nữ	30/06/1989	079189011618	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010016
195	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	27/01/1997	281121515	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010003
196	Trần Thị Nghĩa	Nữ	23/10/1997	194595924	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040017
197	Trần Thoại Ngọc	Nữ	13/06/1989	280916700	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040019
198	Đặng Xuân Ngọc	Nam	23/11/1992	280986328	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010017
199	Trần Thị Mỹ Nguyên	Nữ	15/06/1990	221270155	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040012
200	Phạm Thảo Nguyên	Nữ	22/07/1991	280958443	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010021
201	Võ Khánh Nguyên	Nữ	13/06/1994	281069112	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040037

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên
202	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	17/12/1989	151669794	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040018
203	Nguyễn Ánh Nguyệt	Nữ	24/08/1991	101078455	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010024
204	Nguyễn Trần Tuấn	Nam	08/06/1997	281108915	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010004
205	Phạm Thị Nhân	Nữ	05/11/1998	184289952	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020017
206	Ngô Văn Nhân	Nam	11/06/1989	280898733	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010027
207	Huỳnh Thanh Nhanh	Nữ	08/05/1980	280702815	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170009
208	Trần Minh Nhật	Nam	19/03/1993	281027774	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010018
209	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	08/05/2000	285802658	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040016
210	Đinh Nguyễn Yến Nhi	Nữ	20/08/1988	280971243	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010001
211	Đỗ Thị Ngọc Nhi	Nữ	09/07/1995	272390949	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010011
212	Lê Thị Yến Nhi	Nữ	15/05/1998	321725636	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010031
213	Võ Huỳnh Nhi	Nữ	03/06/1998	074198000103	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010038
214	Phạm Hữu Nhị	Nam	14/04/1998	352450291	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010005
215	Huỳnh Thị Nhiệm	Nữ	20/04/1988	225615698	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010005
216	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	24/11/1995	281112726	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010032
217	Nguyễn Huỳnh Như	Nữ	27/09/1995	281083120	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010005
218	Mai Thị Huỳnh Như	Nữ	25/08/1993	281015747	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010001
219	Lý Hồng Nhung	Nữ	29/04/1995	281086333	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040023
220	Trần Thị Thanh Nhung	Nữ	14/08/1989	280937220	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040010
221	Bùi Đặng Hồng Nhung	Nữ	16/02/1984	281379065	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040030
222	Phạm Thị Ánh Nhung	Nữ	10/02/1994	281040802	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010020
223	Lê Thị Nương	Nữ	14/06/1999	281191285	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040008
224	Lê Thị Nương	Nữ	16/06/1999	281191285	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010011

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên	
225	Nguyễn Hoàng Tô	Ny	Nam	05/06/1994	281077681	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010020
226	Nguyễn Kim	Oanh	Nữ	04/04/1989	280920769	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040022
227	Phạm Thị Hoàng	Oanh	Nữ	15/02/1995	321526080	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010029
228	Nguyễn Thụy Thúy	Oanh	Nữ	09/03/1975	079175005072	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020004
229	Đỗ Châu	Pha	Nữ	25/07/1997	281157759	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010014
230	Phạm Ngọc	Phát	Nữ	14/02/1987	280873923	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010015
231	Phạm Hoàng	Phi	Nam	26/04/1993	281151848	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010010
232	Phạm Hoài	Phong	Nam	03/01/1999	083099000238	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010010
233	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	17/04/1979	074079000521	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010018
234	Vương Đình	Phú	Nam	08/06/1994	241383508	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010011
235	Nguyễn Lý Hoàng	Phúc	Nam	23/05/1998	281176161	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010020
236	Lợi Thiện	Phúc	Nam	27/04/1992	280991988	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040008
237	Lầu Mỹ	Phụng	Nữ	09/02/2002	272827141	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010016
238	Võ Thị Kim	Phụng	Nữ	03/06/1994	281035576	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010005
239	Trần Hữu	Phước	Nam	15/05/1996	32100346	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010040
240	Vĩnh Thị Linh	Phương	Nữ	30/11/1983	280800141	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040006
241	Cao Thị Mai	Phương	Nữ	10/03/1995	281049448	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010022
242	Nguyễn Thị Thùy	Phương	Nữ	04/12/1987	091505352	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010045
243	Nguyễn Thụy Yến	Phương	Nữ	05/11/1992	024671969	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010056
244	Nguyễn Hữu Thanh	Phương	Nữ	16/08/1999	272719027	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020024
245	Nguyễn Thị Thu	Phượng	Nữ	25/11/2002	281317336	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010002
246	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	18/11/1998	241738512	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020021
247	Đỗ Bích	Phượng	Nữ	19/05/1994	281017476	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040010

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên
248	Nguyễn Khắc Quân	Nam	25/07/1999	245364120	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040004
249	Nguyễn Minh Quân	Nam	17/02/1994	281036223	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010015
250	Trần Mạnh Quân	Nam	17/02/1980	025049994	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170012
251	Dương Đăng Quang	Nam	22/08/1997	122287024	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010007
252	Nguyễn Xuân Quang	Nam	22/07/1990	280926075	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010025
253	Phạm Thị Hồng Quế	Nữ	09/11/1995	034195006534	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010038
254	Nguyễn Lê Hoàng Quốc	Nam	16/07/1995	28113451	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010001
255	Phan Lê Lập Quốc	Nam	22/07/1997	074097000551	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010032
256	Bùi Thúc Quốc	Nam	02/03/1981	230573121	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010007
257	Nguyễn Bá Quý	Nam	15/05/1994	241454611	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010023
258	Đào Trọng Quý	Nam	22/08/1993	034093008330	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010043
259	Đỗ Thị Tố Quyên	Nữ	03/06/1993	381705898	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010005
260	Phạm Châu Thanh Quyên	Nữ	30/07/1998	281166456	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010006
261	Vũ Lệ Tố Quyên	Nữ	08/12/1995	230983505	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020001
262	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	27/06/1998	281308425	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010009
263	Huỳnh Văn Sang	Nam	08/02/1984	281300333	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010012
264	Phạm Hữu Sang	Nam	12/08/1993	250859940	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010012
265	Văn Quang Sĩ	Nam	16/02/1969	280435933	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170019
266	Đào Trường Sơn	Nam	03/05/1988	285153388	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010032
267	Lương Hữu Tài	Nam	20/07/1983	074083000193	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010013
268	Huỳnh Tấn Tài	Nam	06/03/1995	281080407	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010020
269	Hà Phước Tài	Nam	16/10/1989	281321396	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010013
270	Bùi Thị Tám	Nữ	25/11/1981	034181019110	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010059

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên
271	Lý Thanh Tâm	Nữ	07/06/1988	074188000570	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040035
272	Huỳnh Thanh Tâm	Nữ	28/07/1984	280856902	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010001
273	Nguyễn Võ Nhựt Tân	Nam	15/08/2000	025963175	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010016
274	Trương Vĩnh Tân	Nam	30/12/1992	281018604	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040024
275	Đỗ Thị Thắm	Nữ	10/5/1995	281346841	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010006
276	Hồ Minh Thắng	Nam	24/09/1995	221362659	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010015
277	Bùi Chí Thanh	Nam	06/07/1996	281083219	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010013
278	Phạm Thanh Thanh	Nữ	18/06/2001	281255655	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040005
279	Trần Ngọc Diễm Thanh	Nữ	22/11/1989	280930097	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010023
280	Nguyễn Thị Phương Thanh	Nữ	01/06/1986	280834894	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010047
281	Phạm Hồng Thanh	Nam	10/02/1982	074082000799	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010049
282	Hoàng Quốc Thanh	Nam	07/11/1982	074082009582	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010052
283	Huỳnh Thị Thanh	Nữ	14/05/1973	079173001018	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020006
284	Mai Văn Thành	Nam	10/01/1996	174743798	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010002
285	Đỗ Tiết Thành	Nam	16/04/1986	280838008	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010022
286	Huỳnh Tấn Thành	Nam	27/10/1992	341627779	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010045
287	Trần Chí Thành	Nam	06/08/1994	272315535	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010065
288	Nguyễn Văn Thành	Nam	16/06/1967	022369438	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020010
289	Hồ Thị Thành	Nữ	01/01/1978	281053968	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170007
290	Dương Thanh Thảo	Nam	27/04/1998	281160882	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010034
291	La Ngọc Thảo	Nữ	02/12/1994	281066140	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010017
292	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	25/03/1995	281061911	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010028
293	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	26/07/1985	280840221	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010039

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên
294	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	13/02/1990	281395265	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010064
295	Nguyễn Lê Ngọc Thảo	Nữ	04/05/1978	023668895	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010011
296	Ngô Duy Thi	Nam	12/12/1991	280999697	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010047
297	Nguyễn Thanh Thiện	Nữ	17/02/1996	281109899	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010021
298	Dương Ngọc Thịnh	Nam	05/09/1980	281337212	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010008
299	Cao Huỳnh Khánh Thịnh	Nam	11/09/1996	074096000210	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010017
300	Nguyễn Thị Tường Thơ	Nữ	04/07/1996	301547472	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020014
301	Cù Thị Thơm	Nữ	01/05/1994	215289884	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040001
302	Nguyễn Văn Thông	Nam	31/10/1968	022423770	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020005
303	Nguyễn Thị Cẩm Thu	Nữ	12/08/1995	070195001650	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010006
304	Nguyễn Thị Thu	Nữ	13/10/1977	023400933	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020009
305	Nguyễn Thị Thu	Nữ	22/09/1981	281168526	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170013
306	Phạm Hoàng Anh Thư	Nữ	02/06/1998	281175767	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010046
307	Nguyễn Thị Thư	Nữ	10/01/1999	215443247	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020012
308	Mai Lê Hạnh Thư	Nữ	04/02/1994	074194000104	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010019
309	Phạm Văn Thức	Nam	17/01/1992	031092009435	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010003
310	Nguyễn Thị Ngọc Thương	Nữ	16/09/2000	026046448	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010012
311	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	26/11/1997	281169085	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010003
312	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	23/03/2001	212463006	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010007
313	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	05/12/1975	022906112	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020003
314	Trần Thị Thùy	Nữ	28/04/1994	352139435	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040007
315	Phạm Thị Thủy Tiên	Nữ	03/02/1991	280958846	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010012
316	Mai Thùy Tiên	Nữ	07/12/1995	281072888	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010019

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên	
317	Nguyễn Văn Công	Tiền	Nam	01/07/1999	371926938	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010022
318	Bùi	Tiếp	Nam	02/11/1980	281109702	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010005
319	Phan Văn	Tình	Nam	20/02/1987	186718043	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010006
320	Phạm Thanh	Toàn	Nam	25/11/1989	280916896	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010011
321	Võ Thị Bích	Trâm	Nữ	10/07/1996	215345643	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040001
322	Nguyễn Đặng Ngọc	Trâm	Nữ	08/02/1996	281101957	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010004
323	Nguyễn Đỗ Ngọc	Trâm	Nữ	01/07/1999	281297708	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010036
324	Phạm Thị mai	Trâm	Nữ	04/03/1984	074184001801	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010048
325	Nguyễn Bảo	Trân	Nam	15/02/1982	074082000277	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010039
326	Đỗ Thị Huyền	Trang	Nữ	06/01/1995	072195001524	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.NNTQ01	2172202040020
327	Phùng Thị Xuân	Trang	Nữ	02/01/1990	280940937	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010011
328	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	18/04/1985	281285699	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010049
329	Nguyễn Thị Xuân	Trang	Nữ	24/11/1992	281022452	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010053
330	Mai Thị Huyền	Trang	Nữ	05/07/1993	281007341	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020018
331	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	26/10/1995	285558286	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020026
332	Phan Thị	Trang	Nữ	10/08/1990	183829563	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010017
333	Nguyễn Huỳnh	Trí	Nam	03/06/2000	281271002	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010033
334	Văn Minh	Trí	Nam	12/06/1972	280492487	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010010
335	Thái Anh	Trí	Nam	10/11/1994	281054450	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010015
336	Tăng Trình	Triển	Nam	14/03/1977	077077000688	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040004
337	Trần Nguyễn Hoàng	Trinh	Nữ	19/06/1996	281095049	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010004
338	Trần Thị Việt	Trinh	Nữ	18/11/1998	272689166	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040029
339	Phan Phương	Trinh	Nữ	14/07/1998	281139507	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010004

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên	
340	Phạm Công	Trình	Nam	07/07/2001	335016110	Quản trị kinh doanh	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.QTKD01	2173401010009
341	Trương Thanh	Trọng	Nam	08/05/1990	074090000293	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010009
342	Nguyễn Trung	Trực	Nam	28/5/1999	281231423	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010002
343	Nguyễn Thành	Trung	Nam	16/03/1997	281106200	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010005
344	Võ Văn	Trung	Nam	15/02/1988	365845273	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010003
345	Nguyễn Hoàng Quốc	Trung	Nam	23/02/1980	082080008516	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010010
346	Nguyễn Nhật	Trường	Nam	09/10/1999	281215333	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010037
347	Phạm Văn	Tuân	Nam	26/09/1995	022095001077	Luật	Đại học vừa làm vừa học	K212VV.LUAT01	2173801010028
348	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	01/04/1986	280841244	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010054
349	Nguyễn Hoàng	Tuấn	Nam	20/06/1997	281121538	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020025
350	Trần Quốc	Tuấn	Nam	06/12/1988	271914299	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170015
351	Nguyễn Huy	Tuấn	Nam	10/04/1988	281223762	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010015
352	Nguyễn Ngọc	Tường	Nam	01/05/1996	215366177	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.QTKD01	21D3401010013
353	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	03/08/1993	026193001188	Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNTQ01	21C2202040024
354	Trần Hồng	Vân	Nữ	14/07/1996	281108555	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010043
355	Nguyễn Thị Bích	Vân	Nữ	18/08/1988	264330643	Toán học	Đại học văn bằng 2	K212BV.TOAN01	21C4601010014
356	Vũ Văn	Vang	Nam	06/09/1991	280986414	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010014
357	Phạm Quốc	Việt	Nam	07/09/1989	321364895	Quản trị kinh doanh	Đại học văn bằng 2	K212BV.QTKD01	21C3401010003
358	Lê Quốc	Việt	Nam	06/09/1990	280932069	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010017
359	Phạm Hoài	Vũ	Nam	18/04/1989	280950000	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010019
360	Huỳnh Tấn	Vương	Nam	20/4/1990	221218601	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010013
361	Lê Thị Xuân	Xanh	Nữ	01/10/1990	241203920	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010042
362	Võ Thị	Xuân	Nữ	12/06/1996	371818149	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010013

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND	Ngành đăng ký học	Hệ đào tạo	Mã lớp	Mã số sinh viên
363	Nguyễn Thị Mỹ Xuân	Nữ	06/05/1992	285263455	Giáo dục Tiểu học	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.GDTH01	21D1402020016
364	Nguyễn Thị Kim Yến	Nữ	06/01/1994	281070086	Luật	Đại học văn bằng 2	K212BV.LUAT01	21C3801010031
365	Phạm Hồng Hải	Nữ	27/12/1999	281202659	Ngôn ngữ Anh	Đại học văn bằng 2	K212BV.NNAN01	21C2202010027
366	Trần Thị Ngọc Yến	Nữ	11/12/1978	280702415	Sư phạm Ngữ văn	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.SPNV01	21D1402170006
367	Từ Xuân	Nữ	18/02/1985	280833873	Công nghệ thông tin	Cao đẳng liên thông lên đại học	K212LD.CNTT01	21D4802010002

